

Bản án số: 04/2020/DSST  
Ngày 16-6-2022  
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trò  
2. Bà Hoàng Thị Gấm

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thập- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 15/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Ông Trần Văn C, sinh năm 1962

Địa chỉ: khu xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

**2 - Bị đơn:** UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Văn K- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

*Người đại diện theo uỷ quyền của UBND xã C:* Ông Nguyễn Tiến D- Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3 - Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1962. Địa chỉ: khu xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

*Người đại diện theo pháp luật của bà L là:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1962. Địa chỉ: khu xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

**4 - Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1953

Địa chỉ: khu T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1962

Địa chỉ: xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Ông Trần Minh H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu Đ, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu xóm T, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

**PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:** Ngày 11/3/1997, gia đình ông cùng hơn 30 hộ gia đình nữa trong xã được UBND xã C nhờ đứng ra vay hộ Ngân hàng nông nghiệp huyện C, số tiền 5.000.000 đồng để làm đường điện thấp sáng từ xã S về xã C. Năm 2001, đường điện đi vào khởi công xây dựng đến năm 2002 thì xong và đi vào sử dụng. Tôi được biết chủ công trình điện đã thanh toán trả tiền mà nhân dân vay cho UBND xã trong đó có hộ gia đình tôi. Nhưng UBND xã C đã không trả nợ cho Ngân hàng dẫn đến việc gia đình tôi bị vay nợ quá hạn kéo dài, đến tháng 11 năm 2016 gia đình tôi đã phải tự trả cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi là 22.876.464 đồng. Kể từ khi trả nợ đến nay tôi liên tục yêu cầu UBND xã C trả nợ cho tôi nhưng chỉ nhận được lời hứa sẽ trả tiền cho gia đình tôi chứ thực tế đến nay UBND xã vẫn không trả tiền cho tôi mặc dù tôi đã đến UBND xã yêu cầu nhiều lần và đã có ý kiến trong các cuộc họp nhưng UBND xã vẫn không trả cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc UBND xã C trả cho tôi số tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 11/3/1997 đến ngày xét xử 22/4/2022 là 302 tháng 11 ngày x 0.833%/tháng = 13.837.038 đồng. Tổng cộng số tiền gốc, lãi là 18.837.038 đồng làm tròn là 18.837.000đ (mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- **Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã C ông D trình bày:**

Hiện tại UBND xã C không được bàn giao hồ sơ vay nợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn C nên UBND xã C không nắm được việc UBND xã nợ ông C vào thời điểm nào. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C, UBND xã có xem xét các hồ sơ và sổ ghi nợ của UBND xã thì thấy tại sổ “phải trả” có ghi khoản nợ gốc, lãi của ông C nhưng không ghi rõ số nợ trên là vay mục đích để làm gì, không biết số tiền đó có phải đúng là khoản tiền mà UBND xã C đang nợ ông C để làm đường điện năm 1997 không. Ông Nguyễn Tiến D và ông Trần Văn K chỉ là lớp lãnh đạo kế cận nên không nắm được nội dung vay nợ của UBND xã C trước đây đối với ông Trần Văn C vì không có hồ sơ, giấy tờ gì bàn giao lại.

Nay ông C yêu cầu UBND xã C trả số tiền nợ gốc và lãi 5.000.000 đồng, lãi là 13.837.038 đồng. UBND xã C đồng ý nhưng sẽ tiết kiệm chi và khi nào tiết kiệm được sẽ trả cho ông C số tiền nợ gốc, lãi nói trên.

**- Tại biên bản xác minh ngày 07/3/2022 ông Trần Văn K cung cấp:** Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã C năm 2020, trước nhiệm kỳ của ông là ông Nguyễn Văn S giữ quyền Chủ tịch UBND xã C. Khi ông S bàn giao công việc cho ông chỉ có biên bản bàn giao công tác chính quyền của xã C ngày 20/8/2021. Ở mục 4.3 có ghi “ Nợ ngân hàng từ khoá trước chuyển sang đến tháng 7/2015 các hộ vay ngân hàng Nông nghiệp cho UBND xã là 112.389.000 đồng. Đã thanh toán hết năm 2019 là 1.080.000 đồng. Số còn nợ là 111.318.000 đồng. Không có danh sách kèm theo và không thấy nói mục đích vay làm gì”. UBND xã C chỉ cung cấp cho Tòa án bằng lời nói, không thể cung cấp cho Tòa án văn bản trên cho Tòa án được vì liên quan đến các khoản chi ngân sách khác của địa phương. Sau khi ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã C, tháng 5/2021 ông C có đơn đề nghị UBND xã C trả cho ông số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng mà UBND xã C ( khi đó là ông Trần Văn T) làm chủ tịch UBND xã đã nhờ ông vay vào tháng 3/1997. Sau khi nhận được đơn của ông, UBND xã đã tìm một sổ sách lưu để mời ông đến làm việc nhưng không tìm được sổ sách gì ngoài “sổ phải trả” quyển số 01 năm 2020 do Bộ tài chính phát hành năm 1999 do UBND xã C, huyện S (nay là huyện C), ngày mở sổ là ngày 01/01/2000, kế toán trưởng khi ấy là ông Nguyễn Văn H, người ghi sổ là ông Trần Minh H, chủ tịch xã C là ông Trần Văn T (chết đột tử ngày 04/01/2000 âm lịch), trong sổ chỉ ghi tên các hộ (36 hộ) và lãi suất, số tiền nợ phải trả là 149.841.000 đồng. Trong nhiệm kỳ ông Trần Minh H giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã C, huyện Cẩm Khê từ năm 2015 đến năm 2019 thì ông H đã trả được 1.080.000 đồng, trong sổ không ghi rõ đã trả tiền cho ai, mục đích vay để làm gì.

- **Người có quyền lợi liên quan bà Trần Thị L trình bày:** Bà xác nhận lời trình bày của ông Trần Văn C trình bày về việc gia đình ông, bà đã cho UBND xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ vay 5.000.000 đồng tiền gốc vào tháng 11/1997 là đúng. Kể từ khi cho vay đến nay UBND xã C chưa trả cho gia đình ông bà tiền. Gia đình bà đã nhiều lần có ý kiến với UBND xã C trả nợ cho gia đình bà nhưng từ đó đến nay UBND xã vẫn chưa trả tiền. Nay bà yêu cầu UBND xã C trả tiền gốc, lãi cho gia đình bà như ông C trình bày. Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án bà uỷ quyền cho ông C thay mặt bà tham gia tố tụng tại Toà án.

- **Lời khai của những người làm chứng là ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Công Đ, Ông Trần Minh H, ông Nguyễn Văn S các ông là nguyên chủ tịch UBND xã C, huyện Cẩm Khê qua các thời kỳ đều cung cấp:** Khoản nợ mà UBND xã C nợ hộ ông Trần Văn C từ năm 1997, số tiền gốc 5.000.000 đồng và lãi là có thật. Trong nhiệm Kỳ giữ chức vụ chủ tịch UBND xã C của ông Nguyễn Văn H ông mới trả được cho một số hộ (không nhớ rõ bao nhiêu tiền, trả cho hộ nào). Nhiệm kỳ giữ chức vụ chủ tịch UBND xã C của ông Trần Minh H có trả được 1.080.000 đồng (không nhớ trả cho hộ nào). Ông Nguyễn Công Đ, ông Nguyễn Văn S trong nhiệm kỳ giữ chức Chủ tịch UBND xã C không trả được khoản tiền nào cho ông Trần Văn C. Hiện nay UBND xã C, huyện C đã trả tiền cho ông C chưa thì các ông không rõ. Nay ông C khởi kiện UBND xã C yêu cầu UBND xã C trả tiền gốc và lãi mà ông đã cho UBND xã C vay từ năm 1997 các ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết tại Toà án ông Trần Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc UBND xã C trả tiền gốc và lãi. Tuy nhiên ông thay đổi về cách tính lãi. Trước đây trong quá trình giải quyết ông yêu cầu UBND xã C ngoài việc phải trả tiền gốc cho ông, còn phải trả tiền lãi cho ông bằng khoản tiền lãi mà ông đã trả cho Ngân hàng nông nghiệp huyện Cẩm Khê, số tiền lãi tính từ ngày ông vay đến ngày ông trả ngân hàng là ngày 03/11/2016 với số tiền lãi là 22.876.464, sau khi trả nợ xong ông không yêu cầu trả lãi. Trước khi Toà án mở phiên toà xét xử ông Trần Văn C có quan điểm thay đổi về cách thức tính lãi xuất, theo đó ông tính lãi từ ngày ông cho UBND xã C vay là ngày 11/3/1997 đến ngày toà án xét xử là ngày 22/4/2022 là 302 tháng 11 ngày x 0,833% /tháng = 13.837.038 đồng.

Quá trình giải quyết đại diện theo uỷ quyền của UBND xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ và những người làm chứng trong vụ đều đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung và điều luật áp dụng: Căn cứ các Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án và Điều 26 Luật thi hành án Dân sự và Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

Đề nghị xử:

- Về trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc UBND xã C, huyện C phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C và bà Trần Thị L tổng số tiền 18.837.000đ (Mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Thời hạn trả nợ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho đến khi thi hành xong.

[3]. Về án phí: Buộc UBND xã C, huyện Cẩm Khê phải chịu 941.85 đồng làm tròn 941.000đ (Chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn đã được thẩm tra và hỏi tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn UBND xã C có trụ sở tại xã C, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Về quan hệ pháp luật tranh chấp căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và bản tự khai của các đương sự trong quá trình giải quyết, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ

luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ áp dụng trong vụ án là quan hệ tranh chấp về “vay tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phạm vi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về số tiền 5.000.000đồng và lãi xuất tính từ thời điểm ngày 11/3/1997 đến ngày xét xử với mức lãi xuất 0,833%/tháng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2]. Về lời trình bày và yêu cầu của các đương sự: Kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: Ngày 11/3/1997, UBND xã C có chương trình kéo điện sinh hoạt từ xã S về xã C, UBND xã C đã huy động nguồn tiền vay từ nhân dân để xây dựng cột điện trong đó có hộ gia đình ông Trần Văn C cho vay số tiền gốc 5.000.000 đồng. Nhưng dự án mới đổ xong phần trụ cột điện thì hết tiền nên dự án không tiếp tục được. Đến năm 2002 điện Lực huyện C cấp điện sinh hoạt cho nhân dân trong xã C nhưng vẫn sử dụng hàng cột điện cũ của xã C làm trước đó mà không trả tiền cho xã C nên xã không có tiền để trả cho các hộ dân đã vay. Từ khi ông Trần Văn C cho UBND xã C vay, xã C không trả tiền gốc, lãi cho gia đình ông lần nào mặc dù gia đình ông nhiều lần có ý kiến trực tiếp với UBND xã C và ý kiến thông qua các cuộc họp của xã nhưng lần nào cũng hứa sẽ trả cho gia đình ông nhưng đến nay vẫn không trả. Do vậy, ông Trần Văn C yêu cầu UBND xã C phải trả lại cho ông số tiền gốc 5.000.000 đồng và lãi xuất là 13.837.038 đồng. Tổng cộng 18.837.038 đồng, làm tròn là 18.837.000đ (Mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] .Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ Căn cứ các Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162 khoản 1 Điều 228, 238, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án và Điều 26 Luật thi hành án Dân sự.

[2]. Về trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C. Buộc UBND xã C, huyện Cẩm Khê phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn C và bà

Trần Thị L tổng cộng tiền gốc và lãi là 18.837.000đ (Mười tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Thời hạn trả nợ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí: Buộc UBND xã C, huyện C phải chịu 941.85 đồng làm tròn 941.000đ (Chín trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện, Tỉnh;
- Chi cục thi hành án DS huyện;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thảo**